

Số: 264/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 18 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu:

1. Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Chị **Lê Thị Khánh V**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, anh Lê Văn P và chị Lê Thị Khánh V trình bày:

[1] Do quen biết nên anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh T vào năm 2016.

Trong thời gian chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, cụ thể là vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi với nhau nên mất hạnh phúc. Qua nhiều lần vợ chồng tự thỏa thuận để duy trì tình cảm, hạnh phúc gia đình nhưng đến nay vẫn không đạt kết quả. Do hạnh phúc không đạt, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài nên anh chị xin được thuận tình ly hôn, anh chị đã ở riêng và ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nhật T, sinh ngày 31/12/2016 và Lê Ngọc A, sinh ngày 04/9/2019, hiện con chung đang sống với chị V. Khi ly hôn anh P đồng ý giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, chị V không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn P và chị Lê Thị Khánh V phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003814, ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được miễn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Anh Lê Văn P và chị Lê Thị Khánh V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Lê Nhật T, sinh ngày 31/12/2016 và Lê Ngọc A, sinh ngày 04/9/2019. Khi ly hôn anh P đồng ý giao 02 con chung cho chị V nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị V không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Anh Lê Văn P và chị Lê Thị Khánh V phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003814, ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được miễn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu